| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN THÀNH**<br>**TỈNH NGHỆ AN**<br>Số: 01/2025/QĐST- DS | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>*Yên Thành, ngày 13 tháng 01 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 291/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** bà Võ Thị T - sinh năm 1959

Địa chỉ: xóm Bắc Vực, xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- ***Bị đơn:*** ông Nguyễn Văn T – bà Nguyễn Thị M

Địa chỉ: xóm Xuân Lai, xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M cam kết trả cho bà Võ Thị T số tiền cả gốc và lãi là: **1.332.375.000** (*một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm đồng).* Trong đó tiền gốc là **825.000.000** *(tám trăm hai mươi lăm triệu đồng);* Tiền lãi là **507.375.000** *(năm trăm linh bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*

- **Án phí**: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 7 Điều 26; Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm đối với số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là **25.985.625** *(Hai mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng)*

Bà Võ Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4**. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**( Đã ký )**

**Phan Xuân Thọ**